

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỪNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HS-ST

Ngày 06 – 04 – 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông La Văn Viên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Xuân và Nguyễn Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Lý Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà:
Ông Vi Lương Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2023/HSST ngày 03 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Sỹ T, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1985. Tại huyện V, tỉnh YB. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã ĐC, huyện V, tỉnh YB; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông: Bùi Văn T1, sinh năm 1952; Con bà: Nguyễn Thị O, sinh năm 1950. Vợ: Cù Thị Lành, sinh năm 1992 (Đã ly hôn); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2012.;

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/11/2022. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh. Có mặt.

*** Bị hại:**

1. Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1987. Địa chỉ: Xóm KG- PS, xã NC, huyện TK, tỉnh CB. Có mặt.

2. Anh Hoàng Văn Th1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Xóm PM, xã NC, huyện TK, tỉnh CB. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Phạm Trung N, Sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh CB. Có mặt.
- Chị Đào Huyền Tr, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ dân phố ĐC, BH, thành phố PY, tỉnh TN. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Sỹ T, sinh ngày 24/4/1985, trú tại Thôn T, xã ĐC, huyện V, tỉnh YB lên cửa khẩu PP, huyện TK, tỉnh CB làm ăn và quen biết anh Hoàng Văn Th1, sinh năm 1985, trú tại xóm PM, xã NC, huyện TK và chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1987, trú tại xóm KG- PS, xã NC, huyện TK. Do dịch bệnh làm ăn thua lỗ nên T nhờ bố là ông Bùi Văn T1 vay tiền cự chiến binh 4.000.000 đồng và trước đó T vay một người tên Ch 70.000.000 đồng. Ông T1 và Ch thường xuyên gọi điện cho T để đòi tiền trả nợ.

Khoảng 10 giờ ngày 30/10/2022, Bùi Sỹ T mượn xe mô tô biển kiểm soát 11K1 – 154.XX của gia đình anh Hoàng Văn Th1 đi cửa khẩu S, huyện HQ, tỉnh CB. Khoảng 16 giờ cùng ngày Bùi Sỹ T quay về đến thị trấn TK thì Ch gọi điện thoại cho T để đòi nợ và yêu cầu T trả trước 15.000.000 đồng. T nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô để trả nợ. T điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng cầm đồ Phạm Trung N tại tổ dân phố 04, thị trấn TK bán xe được 12.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, T thấy số tiền chưa đủ nên đã đi về xóm KG- PS, xã NC để vay tiền chị Th nhưng không được. Không đủ tiền, T đi chuộc lại xe với Phạm Trung N hết 12.050.000 đồng, sau đó mang xe về trả cho anh Th1. T không nói cho anh Th1 biết việc mình bán xe.

Khoảng 10 giờ ngày 01/11/2022, do chưa có tiền trả nợ nên T đi đến nhà chị Hoàng Thị Th mượn xe mô tô biển kiểm soát 11K1 – 125.xx cùng giấy tờ xe và nói là đi ra ngoài thị trấn TK chơi. T điều khiển xe mô tô đi đến cửa hiệu cầm đồ Phạm Trung N để bán xe được 10.000.000 đồng. Thấy số tiền vẫn chưa đủ trả nợ, T tiếp tục đi đến xóm PM, xã NC để gặp anh Th1 mượn xe mô tô biển kiểm soát 11K1 – 154.XX và giấy tờ (xe mô tô T đã mượn ngày 30/10/2022), do xe con anh Th1 đã sử dụng đi học nên anh Th1 đã mượn xe hàng xóm đưa Bùi Sỹ T đi lấy xe tại trường Trung học cơ sở N. Lấy được xe, T tiếp tục mang xe đến cửa hiệu cầm đồ Phạm Trung N bán được 12.000.000 đồng. Tổng số tiền T bán xe được là 22.000.000 đồng. Sau đó T đi về quê tại YB để trả nợ.

Sau nhiều ngày mượn xe không thấy T mang xe về trả, chị Hoàng Thị Th và anh Hoàng Văn Th1 nhiều lần gọi điện yêu cầu Bùi Sỹ T trả xe, nhưng T xin khất nhiều lần và tắt điện thoại. Đến ngày 18/11/2022, chị Th và anh Th1 phát hiện xe mô tô của mình đã bị T bán cho Phạm Trung N nên đã đến Cơ quan Công an để trình báo.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tạm giữ 02 chiếc xe mô tô BKS 11K1 – 125.xx và xe mô tô BKS 11K1 – 154.XX tại hiệu cầm đồ Phạm Trung N để điều tra theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh triệu tập Bùi Sỹ T đến để làm việc. Quá trình làm việc tạm giữ của Bùi Sỹ T 22.000.000 đồng và 01 điện thoại di động loại bàn phím đã qua sử dụng.

Ngày 22/11/2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Trùng Khánh có văn bản yêu cầu định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số 65 ngày 24/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trùng Khánh kết luận: Xe mô tô HONDA WAVE α biển kiểm soát 11K1 – 154.XX, thời điểm định giá ngày 01/11/2022 có giá 15.840.000 đồng. Kết luận số 66 ngày 25/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trùng Khánh kết luận: Xe mô tô HONDA WAVE α biển kiểm soát 11K1 – 125.XX, thời điểm định giá ngày 01/11/2022 có giá 11.700.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành tra cứu cuộc gọi đi, đến từ ngày 27/10/2022 đến 21/11/2022 đối với số điện thoại Bùi Sỹ T đang sử dụng nhưng không phát sinh cuộc gọi nào với ông Bùi Văn T1 trong ngày 01/11/2022.

Tại cơ quan điều tra, thời gian đầu Bùi Sỹ T khai: Ngày 01/11/2022, sau khi mượn được xe của chị Th, T đi ra thị trấn Trùng Khánh chơi thì nhận được điện thoại của bố Bùi Văn T1 đòi T số tiền 4.000.000 đồng để trả nợ cho Hội cựu chiến binh. Do không có tiền nên T mới nảy sinh ý định mang xe đi bán (T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản sau khi đã mượn được xe).

Đến ngày 15/02/2023, T thay đổi lời khai là ngày 30/10/2022, T mang xe của anh Thủy đi bán nhưng không đủ tiền trả nợ nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị Th. Sau đó, trong ngày 01/11/2022 T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt 02 xe mô tô của chị Th và anh Th1 như trên.

Lời khai sau của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu; lời khai của bị hại, kết luận tra cứu cuộc gọi; lời khai của người có quyền nghĩa vụ liên quan và vật chứng của vụ án.

Vật chứng vụ án và tài sản tạm giữ:

Vật chứng vụ án gồm: 02 xe mô tô BKS 11K1 – 154.XX và 11K1 – 125.XX, quá trình điều tra đã xác định rõ chủ sở hữu và việc trả lại vật chứng trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Ngày 04/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã trả lại cho chủ sở hữu Hoàng Thị Th và Hoàng Văn Th1 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại di động và 22.000.000 đồng, ngày 01/3/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện TK ban hành quyết định chuyển vật chứng từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện TK để xử lý theo quy định của pháp luật.

Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, vật chứng vụ án và lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, các bị hại Hoàng Văn Th1, Hoàng Thị Th khai do có quan hệ quen biết với Bùi Sỹ T nên đã tin tưởng và cho T mượn xe mô tô để đi lại, nhưng không biết T mượn xe mục đích là mang bán để lấy tiền tiêu xài và trả nợ. Quá trình điều tra anh Th1 và chị Th đã nhận lại đầy đủ nguyên vẹn tài sản của mình nên không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Trung N khai, anh nghĩa có được mua xe với bị cáo T 03 lần với tổng cộng số tiền 22.000.000 đồng. Khi mua xe anh Nghĩa không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Nay anh yêu cầu bị cáo T phải trả cho anh số tiền 22.000.000 đồng anh đã bỏ ra để mua xe với bị cáo. Ngoài ra anh không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Huyền Tr khai, Trang là bạn của bị cáo T, ngày 21/11/2022 Trang có được chuyển 22.000.000 đồng cho bị cáo T nhưng không biết mục đích mượn tiền của T. Nay tôi có nguyện vọng được trả lại số tiền này, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 01/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh truy tố Bùi Sỹ T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Sỹ T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Sỹ T từ 12 đến 18 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự:

Buộc Bùi Sỹ T phải bồi thường cho anh Phạm Trung N số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng chẵn).

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- + 02 xe mô tô BKS 11K1 – 154.XX và 11K1 – 125.xx đã được xử lý trong giai đoạn điều tra.

- + Trả lại chị Đào Huyền Tr, sinh năm 1993, trú tại: Tổ dân phố Đầu Cầu, phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng chẵn).

- + Trả lại cho bị cáo T 01 một điện thoại di động màu đen, loại bàn phím, nhãn hiệu NOKIA, có số SERI 1: 350078310521499; Số SERI 2: 350078312521497. Điện thoại có gắn 02 (hai) thẻ sim, số thuê bao SIM 1: 0795.232.939; số thuê bao SIM 2: 0825.989.868. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo T thừa nhận sử dụng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tài sản của chị Hoàng Thị Th và anh Hoàng Văn Th1 như nêu trên.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng bị cáo rất hối hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Sỹ T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Bản kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ, kết luận điều tra, bản cáo trạng, nên có đủ cơ sở để kết luận:

Do cần tiền trả nợ, Bùi Sỹ T đã lợi dụng mối quan hệ quen biết với anh Hoàng Văn Th1 và chị Hoàng Thị Th để mượn xe mô tô của anh Thủy và chị Thu với mục đích bán lấy tiền. Khoảng 10 giờ ngày 01/11/2022, do chưa có tiền trả nợ nên T đi đến nhà chị Hoàng Thị Th mượn xe mô tô biển kiểm soát 11K1 – 125.xx cùng giấy tờ xe và nói là đi ra ngoài thị trấn Trùng Khánh chơi. T điều khiển xe mô tô đi đến cửa hiệu cầm đồ Phạm Trung N để bán xe được 10.000.000 đồng. Thấy số tiền vẫn chưa đủ trả nợ, T tiếp tục đi đến xóm Phia Mạ, xã Ngọc Côn để gặp anh Thủy mượn xe mô tô biển kiểm soát 11K1 – 154.XX và giấy tờ xe, do xe con anh Thủy đã sử dụng đi học nên anh Thủy đã mượn xe hàng xóm đưa Bùi Sỹ T đi lấy xe tại trường Trung học cơ sở Ngọc Khê. Lấy được xe, T tiếp tục mang xe đến cửa hiệu cầm đồ Phạm Trung N bán được 12.000.000 đồng. Tổng số tiền T bán xe được là 22.000.000 đồng. Sau đó T đi về quê tại Yên Bái để trả nợ.

Hành vi sử dụng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin giả để anh Thủy và chị Thu tin tưởng nên đồng ý cho T mượn xe mô tô và giấy tờ xe, sau đó mang đi bán lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân do Bùi Sỹ T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức, điều khiển mọi hành vi, hoạt động của bản thân nhưng lười lao động, vì động cơ tư lợi nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Sỹ T trong ngày 01/11/2022 đã thực hiện hành vi phạm tội 02 lần, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh truy tố Bùi Sỹ T theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

+ Các bị hại Hoàng Thị Th và Hoàng Văn Th1 đã nhận lại đầy đủ, nguyên vẹn tài sản của mình trong giai đoạn điều tra và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Đối với số tiền 22.000.000 đồng là tiền Phạm Trung N trả cho Bùi Sỹ T để mua xe mô tô. Anh Nghĩa yêu cầu bị cáo phải trả lại khoản tiền này theo quy định của pháp luật. Do đó, bị cáo phải có trách nhiệm trả cho anh Phạm Trung N số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

[5] Về xử lý vật chứng:

- 02 xe mô tô BKS 11K1 – 154.XX và 11K1 – 125.67, quá trình điều tra đã xác định rõ chủ sở hữu và việc trả lại vật chứng trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Ngày 04/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã trả lại cho chủ sở hữu Hoàng Thị Th và Hoàng Văn Th1 là đúng pháp luật.

- Số tiền 22.000.000 đồng tạm giữ của bị cáo ngày 21/11/2022 quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định được là tài sản của chị Đào Huyền Tr, sinh năm 1993, trú tại: Tổ dân phố ĐC, Phường BH, thành phố PY, tỉnh TN đã cho bị cáo mượn và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T. Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho chị Tr.

- 01 một điện thoại di động màu đen, loại bàn phím, nhãn hiệu NOKIA, có số SERI 1: 350078310521XXX; Số SERI 2: 350078312521XXX. Điện thoại có gắn 02 (hai) thẻ sim, số thuê bao SIM 1: 0795.232.XXX; số thuê bao SIM 2: 0825.989.XXX không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần trả lại bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về hành vi của đối tượng khác có liên quan:

Đối với Phạm Trung N là người đã mua 02 xe mô tô với Bùi Sỹ T nhưng nghĩa không biết nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh không đề cập xử lý đối với Nghĩa là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, cũng như tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét mức hình phạt Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đề nghị là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch sung công quỹ nhà nước.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Sỹ T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt Bùi Sỹ T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/11/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 357; 468 ;584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự 2015. Buộc Bùi Sỹ T phải bồi thường cho anh Phạm Trung N số tiền là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Trả lại cho chị Đào Huyền Tr số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng chẵn).
- Trả lại cho bị cáo T 01 một điện thoại di động màu đen, loại bàn phím, nhãn hiệu NOKIA, có số SERI 1: 350078310521XXX; Số SERI 2: 350078312521XXX. Điện thoại có gắn 02 (hai) thẻ sim, số thuê bao SIM 1: 0795.232.XXX; số thuê bao SIM 2: 0825.989.XXX.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Theo biên bản giao vật chứng ngày 06/3/2023.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Bùi Sỹ T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp Cao Bằng;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HS vụ án; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

La Văn Viên